

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức:** Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin
 - Mã chứng khoán:** TCS
 - Địa chỉ:** Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
 - Điện thoại liên hệ :** 0203.3862210. 0203.3862337
 - Fax:** 0203.3863945
- Nội dung thông tin công bố:** Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Thông tin này được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/03/2019 tại đường dẫn: <http://thancaoson.com.vn>, chọn mục quan hệ cổ đông/thông tin công bố bất thường.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Website Công ty
- Lưu VT, VPHĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản ĐHĐCĐTN năm 2019;
- Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2019.
- Các báo cáo trình bày tại đại hội,

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Doãn Mạnh Hà

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 03 năm 2019

BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin: trụ sở chính tại Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ tám : ngày 20 tháng 01 năm 2017, đăng ký tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh, tiến hành họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tại Văn phòng Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, dưới sự chủ tọa của ông Phạm Hồng Tài, Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC

1. Chủ tọa đại hội chỉ định ông Doãn Mạnh Hà, Phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty, làm Thư ký đại hội. Ông Nguyễn Đức Dũng cán bộ phòng TCLĐ, ông Hoàng Thành Long, Bí Thư Đoàn Thanh Niên Công ty là tổ giúp việc, cho thư ký.

2. Ông Nguyễn Duy Tiên, Thành viên ban Kiểm soát Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo:

Tổng số đại biểu tham dự đại hội có 24 cổ đông, đại diện ủy quyền, đại diện cho 14.634.556 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 54,51. % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. 24 cổ đông, đại diện ủy quyền đủ tư cách tham dự Đại hội theo quy định.

3. Thông qua chương trình và quy chế đại hội

Đại biểu tham dự đại hội đã nghe ông Ninh Văn Đạt, Trưởng phòng TCLĐ công ty, trình bày chương trình, quy chế đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

a. Đại hội biểu quyết thông qua chương trình đại hội.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

b. Đại hội biểu quyết thông qua quy chế đại hội:

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin năm 2019 đủ điều kiện tiến hành theo luật định.

II. BÁO CÁO ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội đã được nghe và thảo luận các báo cáo sau:

1. Ông Phạm Thành Đông, Giám đốc Công ty, trình bày Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 - Kế hoạch SXKD năm 2019.

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SS (%)
1	Bốc xúc đất đá	m ³	28.000.000	30.777.377	110
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.100.000	3.304.806	107
3	Than tiêu thụ	tấn	3.035.000	3.257.074	107
4	Doanh thu	Tỷ đồng	3.829	4.554	114
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31	90,1	290

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
1	Bốc xúc đất đá	m ³	35.700.000	
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.850.000	
3	Than tiêu thụ	tấn	3.759.000	
4	Doanh thu	Tỷ đồng	5.381	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41	
6	Cổ tức	% vốn điều lệ	≥ 7	

2. Ông Trần Tuấn Anh, Kế toán trưởng công ty, trình bày:

a. Các chỉ tiêu chính Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 (bao gồm: BCĐKT, KQSXKD, LCTT, Thu nhập và Thù lao của thành viên HĐQT, BKS, ban giám đốc điều hành công ty).

b. Phương án trích lập các quỹ năm 2018.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.122
2	Thuế TNDN	Tr.đồng	19.556
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	70.556
4	Trả cổ tức (10% vốn điều lệ)	Tr.đồng	26.847
5	Lợi nhuận còn lại được phân phối	Tr.đồng	43.719
a	Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	422
b	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	43.297
	- Quỹ Khen thưởng (70%)	Tr.đồng	30.308
	- Quỹ phúc lợi (30%)	Tr.đồng	12.989

c. Báo cáo tiền thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018

- 5 thành viên HĐQT của Công ty: 266.664.000 đồng.
- 2 thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 96.000.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS: 362.644.000 đồng.

d. Đề xuất mức thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019

TT	Chức danh	Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000	
2	Ủy viên HĐQT	4.380.000	
3	Trưởng BKS	4.380.000	
4	Ủy viên BKS	4.000.000	

Mức tiền thù lao trên được chi trả cho:

- Thành viên HĐQT, BKS làm công tác kiêm nhiệm;
- Thành viên chuyên trách HĐQT, BKS nhưng kiêm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

4. Ông Phạm văn Long, Ủy viên chuyên trách HĐQT, trình bày:

a. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị công ty, Giám sát ban điều hành.

b. Thông qua việc cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu TCS khi TKV nhận chuyển nhượng cổ phiếu TCS để tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin.

c. Thông qua việc tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin .

5. Bà Nguyễn Lan Chi, Trưởng Ban Kiểm soát công ty, trình bày:

a. Báo cáo của BKS về hoạt động của BKS, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc và thẩm định kết quả SXKD, báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2018.

b. Báo cáo đề xuất lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam (PKF Việt Nam) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

III. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội đã tiến hành thảo luận và tuân tự biểu quyết thông qua các báo cáo được trình bày tại đại hội:

1. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SS (%)
1	Bốc xúc đất đá	m ³	28.000.000	30.777.377	110
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.100.000	3.304.806	107
3	Than tiêu thụ	tấn	3.035.000	3.257.074	107
4	Doanh thu	Tỷ đồng	3.829	4.554	114
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31	90,1	290

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
1	Bốc xúc đất đá	m ³	35.700.000	
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.850.000	
3	Than tiêu thụ	tấn	3.759.000	
4	Doanh thu	Tỷ đồng	5.381	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41	
6	Cổ tức	% vốn điều lệ	≥ 7	

* Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cho phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam (PKF Việt Nam) kiểm toán.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3. Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.122
2	Thuế TNDN	Tr.đồng	19.556
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	70.556
4	Trả cổ tức (10% vốn điều lệ)	Tr.đồng	26.847

5	Lợi nhuận còn lại được phân phối	Tr.đồng	43.719
a	Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	422
b	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	43.297
	- Quỹ Khen thưởng (70%)	Tr.đồng	30.308
	- Quỹ phúc lợi (30%)	Tr.đồng	12.989

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4. Báo cáo thù lao năm 2018, đề xuất mức thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019.

a. Báo cáo tiền thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018

- 5 thành viên HĐQT của Công ty: 266.664.000 đồng.
- 2 thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 96.000.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS: **362.644.000** đồng.

b. Đề xuất mức thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019

TT	Chức danh	Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000	
2	Ủy viên HĐQT	4.380.000	
3	Trưởng BKS	4.380.000	
4	Ủy viên BKS	4.000.000	

Mức tiền thù lao trên được chi trả:

- Thành viên HĐQT, BKS làm công tác kiêm nhiệm;
- Thành viên chuyên trách HĐQT, BKS nhưng kiêm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

5. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị công ty, Giám sát ban điều hành năm 2018

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

6. Thông qua việc cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu TCS khi TKV nhận chuyển nhượng cổ phiếu TCS để tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin.

a. Biểu quyết lần 1 (Có TKV tham gia biểu quyết, có 24 cổ đông, đại diện ủy quyền, đại diện cho 14.634.556 cổ phần tham gia biểu quyết).

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

b. Biểu quyết lần 2 (Không có TKV tham gia biểu quyết, có 23 cổ đông, đại diện ủy quyền sở hữu 941.056 cổ phần tham gia biểu quyết).

Tỷ lệ tán thành: 941.056 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7. Thông qua việc tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin .

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

8. Báo cáo của BKS về hoạt động của BKS, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc và thẩm định kết quả SXKD, báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2018.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

10. Báo cáo đề xuất lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam (PKF Việt Nam) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

IV. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin năm 2019 được trình bày trước đại hội.

2. Đại hội biểu quyết thông qua:

a. Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin năm 2019.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

b. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin năm 2019.

Tỷ lệ tán thành: 14.634.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Đại hội kết thúc vào hồi 10h30 cùng ngày.

THƯ KÝ



Doãn Mạnh Hà

Nơi nhận:

- Các cổ đông công ty,
- Thành viên HĐQT, BKS.
- Lưu VT, VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Hồng Tài

Số: 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 03 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Than Cao Sơn-Vinacomin;
Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ Phần Than Cao Sơn -Vinacomin họp ngày 14 tháng 03 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, bao gồm:

1. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SS (%)
1	Bốc xúc đất đá	m ³	28.000.000	30.777.377	110
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.100.000	3.304.806	107
3	Than tiêu thụ	tấn	3.035.000	3.257.074	107
4	Doanh thu	Tỷ đồng	3.829	4.554	114
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31	90,1	290

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
1	Bốc xúc đất đá	m ³	35.700.000	
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.850.000	
3	Than tiêu thụ	tấn	3.759.000	
4	Doanh thu	Tỷ đồng	5.381	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41	
6	Cổ tức	% vốn điều lệ	≥ 7	

c. Ủy quyền cho HĐQT Công ty điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phù hợp với điều kiện thực tế và công bố thông tin cho các cổ đông theo luật định.

2. Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2018.

3. Báo cáo của BKS về hoạt động của BKS, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc và thẩm định kết quả SXKD, báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2018.

4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị công ty, giám sát ban điều hành năm 2018.

Điều 2. Thông qua phương án trích lập các quỹ, và mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, BKS năm 2019.

1. Phương án trích lập các quỹ năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.122
2	Thuế TNDN	Tr.đồng	19.556
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	70.556
4	Trả cổ tức (10% vốn điều lệ)	Tr.đồng	26.847
5	Lợi nhuận còn lại được phân phối	Tr.đồng	43.719
a	Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	422
b	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	43.297
	- Quỹ Khen thưởng (70%)	Tr.đồng	30.308
	- Quỹ phúc lợi (30%)	Tr.đồng	12.989

2. Mức chi trả thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2019

TT	Chức danh	Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000	
2	Ủy viên HĐQT	4.380.000	
3	Trưởng BKS	4.380.000	
4	Ủy viên BKS	4.000.000	

Mức tiền thù lao trên được chi trả:

- Thành viên HĐQT, BKS làm công tác kiêm nhiệm;
- Thành viên chuyên trách HĐQT, BKS nhưng kiêm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

Điều 3. Thông qua việc cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu có quyền biểu quyết TCS khi Tập đoàn TKV nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết TCS để tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65 % vốn điều lệ Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin.

Điều 4. Thông qua việc tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin thực hiện các thủ tục pháp lý trong tiến trình tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin.

Điều 5. Thông qua đề xuất lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam (PKF Việt Nam) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trên về tiến độ, mức phí kiểm toán, ĐHQĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong số công ty kiểm toán còn lại trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin năm 2019 đã được tiến hành công khai, minh bạch và hợp pháp. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin có trách nhiệm thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua trong nghị quyết, đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp, của các cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin năm 2019 thông qua.

Nơi nhận:

- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Hồng Tài

Số: 956 /BC-TCS-KH

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH CHUNG.

Năm 2018, Công ty cổ phần than Cao Sơn khắc phục khó khăn, khai thác tối đa các điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ:

- Thời tiết ít mưa, thuận lợi cho khai thác lộ thiên;
- Hệ thống Băng tải hoạt động tương đối ổn định;
- Năng suất thiết bị được nâng cao, ý thức của người lao động có chuyên biến tích cực, sản lượng nội bộ thực hiện tăng so với kế hoạch đầu năm.
- Công tác tiêu thụ than của TKV thuận lợi nên hàng tháng than sản xuất của Công ty được giao nộp hết, giảm chi phí pha trộn và lưu kho bãi;
- TKV đã bổ sung tiền lương và có cơ chế khuyến khích giá 35.000 đ/tấn đối với những tấn than giao vượt kế hoạch để Công ty bổ sung tiền lương cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động tăng so với cùng kỳ năm trước nên tinh thần CBCNV phấn khởi.

Dưới sự điều hành quyết liệt của Ban Giám đốc với nhiều giải pháp đột phá; sự phối hợp của các tổ chức chính trị, sự đồng thuận đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 vượt mục tiêu đề ra với các chỉ tiêu chính cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SS (%)
1	Bốc xúc đất đá	m ³	28.000.000	30.777.377	110
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.100.000	3.304.806	107
3	Than tiêu thụ	tấn	3.035.000	3.257.074	107
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	3.829	4.554	114
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31	90,1	290

II. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT QUẢN LÝ

1. Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, điều hành sản xuất

- *Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ:* Được xác định là khâu then chốt đã có nhiều cố gắng, các chỉ tiêu công nghệ điều hành bám sát kế hoạch. Chủ động phối hợp Công ty than Đèo Nai bốc xúc vận chuyển thuê 300.000 m³ đất, đổ thải tại bãi thải Đèo Nai mức + 300 giảm chi phí của 2 Công ty và tăng NS thiết bị được TKV chấp thuận và ghi nhận; Thực hiện thi công một số tuyến đường vận chuyển đất để giảm cung độ vận chuyển (Tuyến đường Đông - Tây, tuyến đường trụ bắc Cao Sơn); thực hiện các giải pháp để nâng cao dung tích bãi thải, điều hòa đổ thải hợp lý... Tuy nhiên thông số kỹ thuật, chất lượng đường, nền máy tại một số thời điểm còn chưa đạt yêu cầu phải nhắc nhở tại các kỳ họp tác nghiệp.

- *Công tác điều hành sản xuất:* đã linh hoạt hơn, đặc biệt trong việc phối hợp với hệ thống Băng tải đá để tăng tối đa sản lượng vận chuyển. Công tác điều hành kết hợp chặt chẽ với kỹ thuật để đảm bảo hiệu quả cao trong sản xuất. Các sáng kiến, ý tưởng gắn với giảm chi phí sản xuất như cải tạo tầng khai thác; mở rộng, hạ dốc, mở cua tuyến đường vận chuyển... được Giám đốc Công ty khuyến khích ưu tiên thực hiện làm giảm chi phí sản xuất so với năm 2017, có điều kiện bổ sung tiền lương cho người lao động.

2. Công tác an toàn - an ninh

- *Công tác an toàn:* Công tác an toàn vượt mục tiêu giảm 10% so với năm 2017 được xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Với nhiều giải pháp cụ thể năm 2018 số vụ TNLD giảm trên 12%; sự cố thiết bị giảm trên 30% so với năm 2017. Công ty không để xảy ra TNLD và sự cố thiết bị nghiêm trọng là sự cố gắng lớn của Công ty và các đơn vị.

- *Công tác an ninh:* Công ty thực hiện nhiều biện pháp tăng cường kiểm tra ngăn ngừa phát hiện xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực trong sản xuất. Tình hình an ninh năm 2018 cơ bản ổn định.

3. Công tác quản lý - quản trị chi phí

a. Công tác quản trị chi phí

Các chỉ tiêu công nghệ Công ty thực hiện bám sát kế hoạch. Khi TKV điều chỉnh tăng sản lượng, Công ty chủ động làm tối đa phần sản lượng tăng thêm, phối hợp vận chuyển đất đá bằng Băng tải cao nhất, bố trí đổ thải hợp lý để không làm tăng cung độ kế hoạch, quản trị được chi phí sản xuất.

Giao nộp than vượt kế hoạch về số lượng và chất lượng, giảm tối đa chi phí làm công nghệ, chi phí pha trộn, lưu kho bãi, doanh thu than tăng so với KH. Bên cạnh đó do giao vượt 54.000 tấn than so với KH điều hành số 3615 của Tập đoàn.

Năm 2018, sử dụng chi phí vật liệu, nhiên liệu đã giảm rõ rệt so với năm 2017, các vật tư chủ yếu thuộc khâu khai thác như răng gầu, mũi khoan đều thực hiện đạt và vượt định mức Công ty giao, góp phần vào hiệu quả sản xuất chung toàn Công ty. Công tác khoán quản trị chi phí được kiểm soát chặt chẽ đã mang lại hiệu quả sản xuất chung toàn Công ty.

Công tác quản lý vật tư tiếp tục được củng cố, xây dựng kế hoạch cung cấp, sử dụng vật tư kịp thời cho sản xuất đảm bảo tỷ lệ vật tư tồn kho giảm hơn so với quy định của Tập đoàn. Tuy nhiên còn để xảy ra người lao động vi phạm Công ty phải xử lý.

b. Công tác tài chính: Công ty có nền tài chính lành mạnh, tổ chức hạch toán kế toán, thông kê đảm bảo đúng chế độ của Tập đoàn và Nhà Nước, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, thu xếp nguồn tiền để trả lương công nhân đúng kỳ hạn. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí, bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

c. Công tác đầu tư: Thực hiện đúng quy định Tập đoàn và Nhà Nước. Các gói thầu, dự án cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Quyết toán xong dự án Cải tạo mở rộng mỏ Cao Sơn, hoàn thiện các thủ tục đấu thầu thuê ngoài để thực hiện ngay từ tháng 1 năm 2019.

d. Công tác môi trường: được quan tâm, công ty đã triển khai các công trình môi trường theo kế hoạch đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của TKV như: Cải tạo hệ thống thoát nước, duy tu đập số 4, sửa chữa hồ lắng ngã 6... Đặc biệt là công trình đập chắn số 4, đập ngăn số 8 Bãi thải Bàng Nâu - Công trình chào mừng ngày truyền thống kiểm tra Đảng được TKV ghi nhận và đánh giá cao.

e. Công tác quản lý lao động, tiền lương, đào tạo:

Công tác tái cơ cấu thực hiện đảm bảo tiến độ, hiện nay Công ty còn 14 phòng ban và 16 công trường, phân xưởng, biên chế các phòng theo đúng mô hình mẫu của TKV. Trong năm giảm giảm tuyệt đối 361 người (trong đó lao động tăng 05 người, lao động giảm 366 người), số LĐ có mặt tại thời điểm 31/12/2018 là 2.486 người. Hiện tại tổng số lao động đã thấp hơn so với mô hình mẫu của Tập đoàn, tỷ lệ lao động quản lý đạt mức 9,71%.

Tiền lương 2018: được điều chỉnh phù hợp với kết quả sản xuất, hướng dẫn của TKV và Nhà Nước đã thúc đẩy người lao động tăng năng suất.

Công tác đào tạo được trú trọng đặc biệt là đối tượng quản lý trực tiếp sản xuất, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, bồi dưỡng nghề cho công nhân kỹ thuật đáp ứng đủ lao động cho sản xuất.

4. Các công tác khác:

Công tác thi đua lao động được Công ty đặc biệt quan tâm ngay từ đầu năm đã mang lại hiệu quả thiết thực góp phần hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Công tác chăm lo đời sống, điều kiện làm việc tiếp tục được duy trì thường xuyên, công ty đã đảm bảo đủ việc làm, thu nhập cho người lao động. Tổ chức cho CBCN đi tham quan, nghỉ mát, hỗ trợ các gia đình TNLĐ, gia đình đặc biệt khó khăn, hỗ trợ sửa chữa nhà ở ...

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì thường xuyên góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động và đạt kết quả tốt tại các giải do TKV tổ chức. Công tác quốc phòng địa phương, từ thiện xã hội ... Công ty thường xuyên quan tâm và được địa phương đánh giá ghi nhận.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG.

Mặc dù năng suất thiết bị được nâng lên, điều kiện khai thác được cải thiện hơn, công tác quản lý dần hoàn thiện. Tuy nhiên, Công ty còn gặp một số khó khăn do sản lượng tăng cao so với năm 2018 và dự báo có thể tăng thêm than sản xuất so với kế hoạch tạo áp lực lớn lên tổ chức sản xuất. Bên cạnh đó thời tiết dự báo bất thường, thiết bị để đáp ứng sản lượng kế hoạch tăng so với cùng kỳ còn thiếu. Để hoàn thành nhiệm vụ đòi hỏi Công ty phải thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp, giữ nhịp độ sản xuất, (không chủ quan từ kết quả thực hiện 2018), giảm chi phí sản xuất, tăng doanh thu đảm bảo mục tiêu cân đối tài chính, lợi nhuận và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Với tinh thần đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm vượt khó, chào mừng kỷ niệm 45 năm thành lập Công ty. CBCNV công ty cổ phần than Cao Sơn quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 với mục tiêu "**An toàn - Đổi mới - Hiệu quả**" cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
1	Bốc xúc đất đá	m ³	35.700.000	
2	Than sản xuất tổng số	tấn	3.850.000	
	- Than vỉa chính	tấn	3.400.000	
	- Than sạch từ ĐDLT	tấn	450.000	
3	Than tiêu thụ	tấn	3.759.000	
4	Doanh thu	Tỷ đồng	5.381	
5	Lợi nhuận	Tỷ đồng	41	
6	Cổ tức	%	≥ 7	

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH.

1. Công tác kỹ thuật, tổ chức điều hành sản xuất:

Tiếp tục tập trung khâu kỹ thuật, là năm lấy trọng tâm là nâng cao chất lượng đường vận chuyển, đường vận chuyển là mấu chốt để tăng năng suất, giảm chi phí đặc biệt là chi phí sử dụng lốp.

- Tập trung tăng cường công tác quản lý kỹ thuật đối với công tác khoan đáp ứng đủ đất nổ mìn phục vụ sản xuất; tiếp tục cải tạo tầng, cầu đường, thoát nước, bãi thải để phát huy năng suất, đưa kích thước tầng khai thác về chuẩn. Đặc biệt quan tâm đến chất lượng đất đá bắn toi để phát huy năng suất đảm bảo hiệu quả. Công tác kỹ thuật, điều hành phải gắn với kinh tế nếu thấy hiệu quả phải tập trung triển khai quyết liệt thực hiện bằng được.\

- Khẩn trương triển khai các công trình phòng chống mưa bão đảm bảo chất lượng hoàn thành trước 20/4/2019.

- Tập trung tốt đa cho việc lấy than dưới lòng moong trước mùa mưa (Cốc vủ) để đảm bảo đủ nguồn than chế biến, tiêu thụ. Tăng cường công tác làm phẩm

chất, chế biến nâng chất lượng than sản xuất, than tiêu thụ phân đầu tốt hơn kế hoạch TKV giao để tăng doanh thu.

- Chủ động phối hợp tốt nhất với hệ thống Băng tải đá từng kỳ tác nghiệp đảm bảo hệ thống Băng tải vận chuyển tối đa để đạt sản lượng kế hoạch. Phân đầu hoàn thành sản lượng kế hoạch 6 tháng đầu năm > 52% để giảm áp lực sản lượng trong 6 tháng cuối năm.

2. Công tác quản lý, quản trị chi phí:

2.1 Công tác quản trị chi phí:

Tiếp tục phương châm giao khoán gọn, khoán tối đa để tăng cường hơn nữa tính chủ động cho các đơn vị trong thực hiện sản lượng và chi phí để mang lại hiệu quả tốt nhất. Tiếp tục tăng quyền và trách nhiệm cho các đơn vị để triển khai nhiệm vụ. Công ty tập trung tăng cường công tác quản lý:

- Bám sát các chỉ tiêu công nghệ đã xây dựng như cung độ vận chuyển than, đất; quy mô bãi nổ, tỷ lệ thuốc nổ chịu nước...cân đối đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường công tác quản lý tỷ lệ âm đất đá đảm bảo mục tiêu <2%. Triển khai giao khoán chất lượng nền khoan xúc, giờ di chuyển thiết bị, sử chữa thiết bị ngoài phân cấp, công gác....

- Tiếp tục điều chỉnh bổ sung hoàn thiện các quy định, quy chế tiên tiến, linh hoạt phù hợp thực tế sản xuất, đúng pháp luật. Xử lý trách nhiệm theo quy chế phải làm quyết liệt từng kỳ. Công ty chỉ xem xét điều chỉnh khi thật cần thiết để thúc đẩy sản xuất.

- Các phòng ban cần tăng cường phối hợp hơn nữa theo chức năng nhiệm vụ vì mục tiêu chung không để ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc, hiệu quả sản xuất toàn Công ty. Tăng cường giám sát, quản lý các đơn vị, bố trí thời gian học hỏi trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn các cách làm hay, hiệu quả áp dụng theo điều kiện của Công ty.

2.2. Công tác tài chính: Tổ chức hạch toán kế toán, thống kê đảm bảo đúng chế độ của Tập đoàn và Nhà Nước, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay đầu tư phục vụ sản xuất, thu xếp nguồn tiền để trả lương công nhân đúng kỳ hạn. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí, bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

2.3. Về công tác quản lý thiết bị, vật tư:

- Thường xuyên đánh giá rà soát máy móc thiết bị, đề xuất các phương án xử lý đối với thiết bị hết khấu hao, chi phí tăng, sử dụng không hiệu quả.

- Quan tâm chuẩn bị tốt vật tư cho sửa chữa, quản lý chặt chẽ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa thuê ngoài, kể cả nội bộ đảm bảo đúng quy định, phải giảm thời gian sửa chữa đặc biệt là tiêu tu, bảo dưỡng.

- Tăng cường công tác quản lý vật tư đảm bảo đúng quy định khắc phục triệt để tồn tại năm 2018, nâng cao hơn nữa tính chủ động của các đơn vị trong mua sắm sử dụng vật tư phục vụ hợp lý nhất cho sản xuất. Điều hành tốt tỷ lệ tồn kho vật tư đảm bảo thấp hơn so với quy định của TKV.

2.4. Công tác Đầu tư xây dựng và Môi trường:

- Phối hợp với các cấp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phân diện tích năm 2018 chưa thực hiện đồng thời bám sát tiến độ phân diện tích năm 2019 để công ty chủ động điều hoà đồ thải.

- Triển khai chuẩn bị các dự án trọng điểm: Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ giai đoạn 2, Hệ thống băng tải cấp than từ cụm sang lên máng ga.
- Triển khai các công trình môi trường theo kế hoạch đảm bảo tiến độ. Giám sát các đơn vị thu gom chất thải nguy hại đúng quy định, chống bụi. Kiên quyết xử lý đối với các đơn vị vi phạm về công tác môi trường.
- Tiếp tục hoàn tất thủ tục bàn giao những khu đất không sử dụng, sử dụng không hiệu quả cho chính quyền theo kế hoạch.

2.5. Công tác Tái cơ cấu, Lao động tiền lương - Tổ chức đào tạo:

- Tiếp tục triển khai công tác Tái cơ cấu đảm bảo tiến độ theo phương án phê duyệt. Chủ động bố trí lao động phù hợp, triển khai tuyển lao động đặc biệt là vận hành xúc điện, khoan theo kế hoạch được TKV phê duyệt đảm bảo đủ lao động phục vụ cho sản xuất.
- Cân đối lao động hợp lý, tổ chức sản xuất gọn nhẹ, hiệu quả, tiếp tục thực hiện trả lương theo giờ, mục tiêu phấn đấu nâng cao năng suất lao động, năng suất thiết bị, chất lượng sản phẩm, nâng cao tiền lương cho người lao động. Thực hiện khuyến khích tiền lương, quan tâm các nghề khó tuyển. Phấn đấu thu nhập bình quân $\geq 8,6$ triệu đồng/người-tháng, chăm lo tốt đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho CNVC – LĐ.

- Xây dựng phương án và tổ chức thực hiện tốt khi TKV sát nhập 2 Công ty.

2.6. Công tác An toàn, an ninh

- *Công tác An toàn:* là nhiệm vụ hàng đầu. Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo mục tiêu 2019 không có vụ tai nạn lao động nặng, sự cố thiết bị nghiêm trọng. Số vụ tai nạn lao động, sự cố thiết bị giảm 10% so 2018.
- *Công tác An ninh:* Hạn chế tối đa các tiêu cực trong quá trình sản xuất, tăng cường các biện pháp quản lý phòng ngừa, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

7. Các công tác khác:

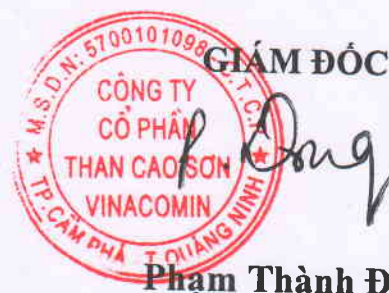
Quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, làm tốt chính sách đề ơn đáp nghĩa, ủng hộ từ thiện xã hội, quân sự..., thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với địa phương và NSNN.

Duy trì công tác chăm lo đời sống theo phương châm điều kiện làm việc, việc làm, đời sống, thu nhập ngày càng được nâng lên

Tăng cường công tác tuyên truyền, công tác thi đua đặc biệt là thi đua giành năng suất cao, tiết kiệm chi phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật gắn với hiệu quả sản xuất phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2019./..

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty (b/c)
- Đảng ủy, Công đoàn, TNiên;
- Giám đốc, các Phó giám đốc
- Các Cổ đông
- Lưu: VT, KH.



Phạm Thành Đông

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		939.933.142.526	584.312.036.626
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		368.101.547	195.008.035
Tiền	111	5.1	368.101.547	195.008.035
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	6.539.700.000	12.425.430.000
Chứng khoán kinh doanh	121		21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(15.259.300.000)	(9.373.570.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		495.951.369.864	17.198.173.781
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	483.107.465.303	2.281.014.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.298.944.352	9.122.125
Các khoản phải thu khác	136	5.4	11.544.960.209	14.908.037.059
Hàng tồn kho	140	5.5	321.394.368.997	270.230.730.710
Hàng tồn kho	141		324.943.175.025	274.963.350.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.548.806.028)	(4.732.619.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		115.679.602.118	284.262.694.100
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	107.234.837.006	283.935.698.823
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.12	8.444.765.112	326.995.277
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.353.335.687.749	1.299.353.038.539
Các khoản phải thu dài hạn	210		74.733.214.095	67.095.002.079
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	74.733.214.095	67.095.002.079
Tài sản cố định	220		787.779.692.236	918.856.016.121
TSCĐ hữu hình	221	5.7	787.722.612.718	918.700.668.795
- Nguyên giá	222		3.008.258.575.962	2.930.540.824.289
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.220.535.963.244)	(2.011.840.155.494)
TSCĐ vô hình	227	5.8	57.079.518	155.347.326
- Nguyên giá	228		945.276.690	1.842.376.690
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(888.197.172)	(1.687.029.364)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		83.615.999.705	105.254.673.924
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	83.615.999.705	105.254.673.924
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		407.206.781.713	208.147.346.415
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	406.298.012.505	207.755.992.185
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		908.769.208	391.354.230
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.293.268.830.275	1.883.665.075.165

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.953.887.839.057	1.575.010.113.286
Nợ ngắn hạn	310		1.521.706.566.043	1.090.303.129.315
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	552.500.109.556	433.934.931.017
Người mua trả tiền trước	312		-	235.541.350
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	90.567.377.599	67.687.591.753
Phải trả người lao động	314		88.875.142.631	69.645.911.052
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	288.669.863	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	231.917.364.273	50.495.021.089
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	529.527.311.520	453.727.118.619
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.030.590.601	14.577.014.435
Nợ dài hạn	330		432.181.273.014	484.706.983.971
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	429.185.619.425	484.706.983.971
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.995.653.589	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		339.380.991.218	308.654.961.879
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	339.380.991.218	305.786.854.919
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.467.730.000	268.467.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.467.730.000	268.467.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		347.757.112	347.757.112
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.565.504.106	36.971.367.807
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.210.163.977
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.565.504.106	35.761.203.830
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	2.868.106.960
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	2.868.106.960
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.293.268.830.275	1.883.665.075.165

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.702.159.944.979	3.999.257.892.508
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		4.702.159.944.979	3.999.257.892.508
Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.402.712.572.551	3.649.370.272.214
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		299.447.372.428	349.887.620.294
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.156.568.765	2.043.435.876
Chi phí tài chính	22	6.4	84.221.796.383	88.414.353.328
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		78.336.066.383	89.851.911.475
Chi phí bán hàng	24	6.7	26.197.129.519	20.917.886.401
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	110.731.301.024	201.952.302.598
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.453.714.267	40.646.513.843
Thu nhập khác	31	6.5	22.115.473.114	10.704.813.249
Chi phí khác	32	6.6	12.447.380.558	6.427.442.651
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.668.092.556	4.277.370.598
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.121.806.823	44.923.884.441
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	19.556.302.717	9.162.680.611
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		70.565.504.106	35.761.203.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.628	1.332

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

140
NG
HIỆP
K
T
UAI

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

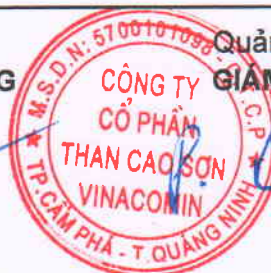
CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	90.121.806.823	44.923.884.441
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	290.208.909.430	191.883.604.322
Các khoản dự phòng	03	4.701.916.219	(77.585.578.140)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.663.749.001)	(6.085.584.851)
Chi phí lãi vay	06	78.336.066.383	89.851.911.475
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	460.704.949.854	242.988.237.247
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(492.380.774.918)	138.049.383.486
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(50.497.239.484)	(35.640.711.339)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	356.230.136.547	61.592.450.290
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(21.841.158.503)	(27.801.753.935)
Tiền lãi vay đã trả	14	(78.047.396.520)	(89.851.911.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.372.623.320)	(1.556.050.749)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	638.000.000	1.119.616.327
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.792.033.721)	(4.358.966.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	147.641.859.935	284.540.293.852
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(160.326.684.763)	(94.241.744.932)
Tiền thu từ nhượng quyền, nhượng quyền và các khoản khác	22	507.180.236	6.039.525.252
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.165.749	51.278.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(159.791.338.778)	(88.150.941.380)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33 7.1	2.725.749.095.813	1.902.895.165.447
Tiền trả nợ gốc vay	34 7.2	(2.705.470.267.458)	(2.099.290.990.348)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.956.256.000)	(20.719.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.322.572.355	(196.416.544.401)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	195.008.035	222.199.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	368.101.547	195.008.035

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2017</u> <u>(VND)</u>
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	3.431.437.619	1.397.620.307
Thu nhập của Hội đồng quản trị	885.441.847	484.729.500
Thu nhập Ban kiểm soát	662.826.847	305.705.500
Tổng	4.979.706.313	2.188.055.307

Số dư tại ngày 31/12/2018 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Tổng hợp vật tư, hàng hóa và dịch vụ mua của các bên liên quan
- Phụ biểu 02: Tổng hợp doanh thu bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan.
- Phụ biểu 03: Bảng kê than bán nội bộ tập đoàn
- Phụ biểu 04: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

Y
ĐU H
M
T.P.

BÁO CÁO
Về việc chi trả cổ tức và tỷ lệ trích lập các quỹ năm 2018

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và kết quả thực hiện SXKD năm 2018, kính đề nghị quý cổ đông phê chuẩn mức chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018 của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.122
2	Thuế TNDN	Tr.đồng	19.556
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	70.556
4	Trả cổ tức (10% vốn điều lệ)	Tr.đồng	26.847
5	Lợi nhuận còn lại được phân phối	Tr.đồng	43.719
a	Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	422
b	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	43.297
	- Quỹ Khen thưởng (70%)	Tr.đồng	30.308
	- Quỹ phúc lợi (30%)	Tr.đồng	12.989

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu VT, VPHĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Tài

BÁO CÁO
Tiền thù lao chi trả HĐQT, BKS năm 2018
Đề xuất mức thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin ngày 05 tháng 04 năm 2018 quy định mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát công ty, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội:

1. Tiền thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018

- 5 thành viên HĐQT của Công ty: 266.664.000 đồng.
- 2 thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 96.000.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS: **362.644.000** đồng.

2. Đề xuất mức thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019

Căn cứ khoản 1, điều 28, khoản 5 điều 38, Điều lệ công ty quy định về thù lao cho HĐQT và BKS, đề nghị quý vị cổ đông thông qua mức chi trả tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2019 như sau:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000	
2	Ủy viên HĐQT	4.380.000	
3	Trưởng BKS	4.380.000	
4	Ủy viên BKS	4.000.000	

Mức tiền thù lao trên được chi trả cho:

- Thành viên HĐQT, BKS làm công tác kiêm nhiệm;
- Thành viên chuyên trách HĐQT, BKS nhưng kiêm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Lưu VT, VPHĐQT.



Phạm Hồng Tài

Số: 944/ BC-TCS-HĐQT

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị công ty và giám sát ban điều hành năm 2018

Căn cứ điều lệ công ty Cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin, Hội đồng quản trị công ty xin được báo cáo các quý vị cổ đông về hoạt động của HĐQT, kết quả hoạt động của HĐQT về quản trị Công ty và giám sát Giám đốc, người điều hành khác trong năm 2018.

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức. Hội đồng quản trị công ty gồm 05 uỷ viên :

- Ông Phạm Hồng Tài, Chủ tịch HĐQT;
- Ông Phạm Văn Long, Ủy viên thường trực HĐQT;
- Ông Phạm Thành Đông Ủy viên HĐQT, kiêm Giám đốc điều hành
- Ông Phạm Hồng Lương, Ủy viên HĐQT;
- Ông Trần Tuấn Anh, Ủy viên HĐQT, kiêm Kế toán trưởng Công ty;

2. Thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐQT

HĐQT Công ty có 5 thành viên. Trong đó, có 2 thành viên kiêm nhiệm chức vụ giám đốc, kế toán trưởng công ty. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể phù hợp với năng lực, trình độ, kinh nghiệm của mình. Các thành viên đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong năm một cách cẩn trọng, đồng thuận, minh bạch.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết giao cho các thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty trên các lĩnh vực SXKD, quản trị công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, quy chế quản trị nội bộ của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn, Công ty phát triển.

2. Công tác quản trị công ty

HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát chặt chẽ bộ máy điều hành công ty nhằm triển khai thực hiện nghiêm nghị quyết, quyết định chỉ đạo điều

hành sản xuất kinh doanh của HĐQT đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức công tác giám sát, chỉ đạo bộ máy điều hành thông qua việc duy trì chế độ báo cáo về tình hình SXKD, tổ chức hàng ngày, hàng tháng, quý, năm của Giám đốc với HĐQT. Định kỳ vào trung tuần hàng tháng, HĐQT tổ chức họp với Ban giám đốc điều hành công ty rà soát kết quả giao nộp sản phẩm, năng suất thiết bị, giá thành sản phẩm của tháng trước, hướng khai thác, kế hoạch SXKD của tháng tiếp theo, các vấn đề phát sinh liên quan đến quản lý, điều hành ...

Tổ chức thực hiện công tác quản trị công ty, quan hệ cổ đông, công bố thông tin định kỳ, bất thường đúng quy định của UBCKNN một cách công khai, minh bạch.

3. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và cán bộ quản lý, điều hành

Năm 2018, Ban điều hành đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban giám đốc đã có nhiều giải pháp kỹ thuật, quy định quản lý hữu hiệu giảm chi phí sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm nên đã sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, đảm bảo lợi nhuận và thu nhập cho người lao động cao hơn năm 2017.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã họp 57 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 57 nghị quyết và quyết định chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư, ban hành quy chế quản lý, tinh giảm lao động, phát triển công ty... Hội Đồng quản trị đã khẩn trương triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, chỉ đạo chặt chẽ, đúng pháp luật, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty trên các lĩnh vực SXKD một cách minh bạch, công khai.

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức công tác giám sát, chỉ đạo bộ máy điều hành thông qua việc duy trì chế độ báo cáo hàng ngày, hàng tháng, quý, năm của Giám đốc với HĐQT về tình hình SXKD, tổ chức, định hướng phát triển công ty, các vấn đề phát sinh...

Hàng tháng, tuần theo định kỳ, đột xuất, Chủ tịch, thành viên HĐQT Công ty trực tiếp đi kiểm tra khai trường, các phân xưởng, công trường các phòng ban theo các nhiệm vụ được giao.

Thường trực HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Công ty để nắm bắt tình hình, báo cáo HĐQT về công tác điều hành SXKD, quản trị công ty, quản trị chi phí, tài sản, lao động, phân phối thu nhập...; Giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, các quy chế của Công ty; Đề xuất những biện pháp hữu hiệu kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

Năm 2019, thị trường tiêu than được dự báo có nhiều khởi sắc. Nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty, cố gắng cho cổ đông, tranh thủ điều kiện thuận lợi, vượt qua các thách thức và phát triển, HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề sau:

1. Chỉ đạo xây dựng Công ty có cơ cấu hợp lý hơn, tăng sức cạnh tranh, mở rộng quan hệ, hợp tác đa phương nhằm phát triển SXKD, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn sở hữu...

2. Tăng cường quản trị công ty minh bạch, công khai theo hướng công nghệ hóa, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành thực hiện đúng, hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ, giảm giá thành sản phẩm, tăng năng suất thiết bị, năng suất lao động; Ban hành các quy chế quản trị, quản lý công ty phù hợp với luật định, quy định mới của Tập đoàn TKV đảm bảo cho bộ máy hoạt động của công ty linh hoạt.

3. Chỉ đạo nâng cao chất lượng than, tăng cường tiêu thụ than thương phẩm chất lượng cao; Nghiên cứu đầu tư thiết bị có công suất lớn, công trình thật sự cần thiết phục vụ sản xuất kinh doanh của công đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo sản xuất kinh doanh, phát triển công ty bền vững.

4. Quản trị tốt giá trị cốt lõi của Công ty, sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, có lợi nhuận cao, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các nhà đầu tư, cổ đông của công ty.

5. Chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đồng thời quan tâm sâu sắc đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu VT, VP HĐQT

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Tài

Số: 945/BC-TCS-HĐQT

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc Tập đoàn TKV tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn TKV lên 65 % vốn điều lệ Công ty cổ phần Than cao Sơn-Vinacomin

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Tập đoàn TKV có gửi công văn số: 811/TKV-KTTC về việc đề nghị ĐHCĐTN năm 2019: Thông qua việc cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin khi TKV tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin, HĐQT xin được báo cáo Đại hội như sau:

I. Sự cần thiết của việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin

1. Thực hiện Quyết định số 314/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07/02/2013 phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) giai đoạn 2012 – 2015 và thực hiện Quyết định số 2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020 thì TKV phải đảm bảo nắm giữ 65% vốn điều lệ đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác than. Vì vậy, TKV hiện đang có nhu cầu nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty để nâng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty lên 65%.

2. Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động mô hình công ty cổ phần từ ngày 02/01/2007. Hoạt động của Công ty do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý của Tập đoàn. Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo cơ chế phối hợp kinh doanh giữa TKV và Công ty.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng giữa Tập đoàn và Công ty.

Ngoài ra, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên

Việc tăng tỷ lệ sở hữu của TKV tại Công ty từ 51% lên mức 65% sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty trong hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Giai đoạn 2017-2020 được dự kiến là thời kỳ khó khăn của Công ty. Việc tăng vốn đầu tư của TKV tại Công ty sẽ gia tăng thêm hiệu quả đầu tư cho TKV. Mặt khác, sau khi nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% vốn điều lệ của Công ty, Tập đoàn có toàn quyền quyết định trong việc phân phối lợi nhuận sau thuế, đảm bảo lợi tức cho các cổ đông (mà trong đó Tập đoàn là cổ đông lớn nhất), đóng góp cho Ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Trên phương diện xã hội, việc Tập đoàn nâng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ và trở thành cổ đông có quyền biểu quyết toàn bộ sẽ kiểm soát hoạt động kinh doanh, có tác động tích cực đối với các hoạt động văn hóa xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống an sinh xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Từ những lý do trên, HĐQT Công ty nhận thấy: Việc TKV nhận chuyển nhượng cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65% vốn điều lệ của Công ty là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và đem lại lợi ích cho Công ty.

II. Các quy định pháp lý liên quan đến việc tăng tỷ lệ sở hữu của TKV

1. Theo quy định tại mục b tiết 1 Khoản 11, Điều 1, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010: “Tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ hai mươi lăm phần trăm trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng mua tiếp từ mười phần trăm trở lên cổ phiếu có quyền biểu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của công ty đại chúng, quỹ đóng” phải thực hiện **chào mua công khai**”.

Và cũng theo các quy định hiện hành, tổ chức thực hiện chào mua công khai phải nộp hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông thường, thời gian trung bình để thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của một công ty đại chúng là 2,5-3 tháng. Hơn nữa, qua theo dõi 6 tháng gần đây, tính thanh khoản cổ phiếu của ngành than nói chung và của Công ty nói riêng trên thị trường là rất thấp. Trên thực tế, việc thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu của TKV bằng phương thức chào mua công khai tại Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin từ ngày 12/9/2018 đến ngày 31/10/2018 và tại Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin từ ngày 16/10/2018 đến ngày 10/12/2018 không đạt được tỷ lệ sở hữu mục tiêu. TKV không mua được đủ số lượng cổ phiếu cần mua trong 1 đợt chào mua công khai và sau đó vẫn phải tiếp tục thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty trên theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn giao dịch, dẫn đến mất nhiều thời gian để hoàn thành phương án. Điều đó cho thấy việc hoàn thành mục tiêu tăng tỷ lệ sở hữu của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin lên mức 65% theo phương thức chào mua công khai có thể sẽ rất khó khăn để đạt hiệu quả kỳ vọng.

2. Theo quy định tại tiết 2 Khoản 11, Điều 1, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 quy định các trường hợp không phải thực hiện chào mua công khai bao gồm:

“a) Mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới phát hành dẫn đến việc sở hữu từ hai mươi lăm phần trăm trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua;

b) Nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ dẫn đến việc sở hữu từ hai mươi lăm phần trăm trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng **đã được Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua;**

Như vậy, TKV có thể nhận chuyển nhượng cổ phiếu TCS để đạt tỷ lệ sở hữu 65% mà không cần thực hiện chào mua công khai trong trường hợp việc nhận chuyển nhượng này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin thông qua.

Căn cứ Khoản 11, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số: 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010,

Kính đề nghị ĐHĐCĐTN năm 2019 Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin thông qua việc cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu có quyền biểu quyết TCS khi Tập đoàn TKV nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết TCS để tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65 % vốn điều lệ Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu VT, VP HĐQT

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Tài

Số: 952/BC-TCS-HĐQT

Cám Phả, ngày 28 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO
Về việc tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin
với Công ty cổ phần Tây nam Đá Mài-Vinacomin

Căn cứ Quyết định số: 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu TKV giai đoạn 2017-2020, trong đó có nội dung tại Điều 1, Mục II, Khoản 2, Điểm i, có giao: Bộ Công Thương theo thẩm quyền chỉ đạo TKV thực hiện sắp xếp, hợp nhất các công ty con do TKV nắm giữ từ 65% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Công ty cổ phần Than Cao Sơn, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu, Công ty cổ phần Than Đèo Nai, Công ty cổ phần Than Núi Béo, Công ty cổ phần Than Hà Lâm theo quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo công khai minh bạch, không làm mất vốn và tài sản của nhà nước, HĐQT xin được báo cáo Đại hội:

Việc tổ chức, sắp xếp lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin nhằm mục đích:

- Tăng các lợi thế về khai thác, khắc phục các hạn chế về ranh giới mỏ;
- Tập trung, ổn định về công tác tổ chức, quản lý;
- Đầu tư thiết bị, dây truyền sản xuất có công suất lớn hiện đại, phù hợp với khai trường của công ty để nâng cao năng lực khai thác;
- Tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, phát triển bền vững...

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin, Kính đề nghị Đại hội:

1. Thông qua việc tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin thực hiện các thủ tục pháp lý trong tiến trình tổ chức lại Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin với Công ty cổ phần Than Tây nam Đá Mài-Vinacomin.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu VT, VPHĐQT



Phạm Hồng Tài

Số: 955/BC- TCS- BKS

Cám phá, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin;

- Căn cứ vào báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 các nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Ban Kiểm soát Công ty gồm 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm, hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ đúng theo Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty, cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch công tác năm 2018, phân công nhiệm vụ cho các thành viên và tổ chức họp triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát;

- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo qui định. Giám sát việc tuân thủ các quy định và công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, các quy chế của Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ theo Điều lệ, quy chế, quy trình hoạt động của Công ty. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và họp giao ban điều hành sản xuất của Công ty;

- Thực hiện công tác kiểm soát chứng từ kế toán, việc ghi chép, mở sổ kế toán, quản lý, lưu giữ chứng từ kế toán và công tác lập báo cáo tài chính theo đúng qui định; Thẩm tra các Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính giữa niên độ, cả năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước; Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do Công ty Kiểm toán độc lập phát hành và thực hiện kiểm soát các nội dung khác theo chức năng nhiệm vụ;

II. Kết quả giám sát hoạt động năm 2018

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Qui chế của Tập đoàn, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông;
- Hội đồng quản trị xây dựng chương trình công tác, tổ chức họp định kỳ, bất thường để đánh giá về thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động SXKD của Công ty, xem xét, thống nhất phê duyệt, thông qua một số nội dung quan trọng của Công ty như: Các Qui chế nội bộ, kế hoạch và điều hành SXKD; đầu tư xây dựng, tiền lương, tổ chức cán bộ, ...vv... Trong năm 2018 tổ chức 57 phiên họp qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản. Ban hành 57 Nghị quyết, 34 quyết định, qui chế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật, Tập đoàn, Công ty đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban giám đốc điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Tổ chức thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định của UBCKNN, đảm bảo sự công khai, minh bạch và thực hiện các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc điều hành trong việc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

2. Hoạt động của Ban Giám đốc điều hành

Ban kiểm soát đánh giá năm 2018 Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Qui định của Tập đoàn và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2018, cụ thể như sau:

- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Tập đoàn, của HĐQT kịp thời, khắc phục những khó khăn và có giải pháp điều hành quyết liệt việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mang lại lợi ích cho cổ đông;
- Ban Giám đốc đã chỉ đạo các phòng quản lý thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi ban hành các văn bản về quản lý đúng qui định pháp luật, phù hợp thực tế, mang lại hiệu quả cho sự phát triển bền vững của Công ty;
- Ban Giám đốc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách trực tiếp ở các lĩnh vực để chủ động trong công tác chỉ đạo điều hành, duy trì thường xuyên lịch họp giao ban, họp tác nghiệp, họp nghiệm thu khối lượng, thành phần tham dự đầy đủ, nội dung cuộc họp tập trung giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong công tác điều hành, công tác quản lý nhằm giải quyết kịp thời, đảm bảo có điều kiện tốt nhất để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các cuộc họp đều được thư ký Công ty tổng hợp đầy đủ và thông tin trên mạng nội bộ Công ty;

- Ban Giám đốc đặc biệt quan tâm và chỉ đạo sát sao công tác AT- VSLĐ, kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành nội quy, quy trình AT-VSLĐ tại các đơn vị, xử lý nghiêm các vụ sự cố, tai nạn; Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, công tác an ninh, bảo vệ tài sản, tài nguyên ranh giới mỏ; Quan tâm chăm lo đời sống cho người lao động, thu nhập của người lao động tăng cao so với năm trước, các chế độ phúc lợi như tham quan, văn hóa, thể thao được duy trì hàng năm, các quyền lợi, chế độ của người lao động được đảm bảo đúng Luật lao động và các qui định hiện hành;

Năm 2018 Ban Giám đốc thực hiện điều hành các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, của Tập đoàn và Điều lệ của Công ty. Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và thu nhập bình quân của người lao động đều vượt kế hoạch và cao hơn năm 2017, tài chính ổn định, các chỉ tiêu tài chính cơ bản đảm bảo, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, Tập đoàn. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

III. Kết quả thẩm định báo cáo hoạt động SXKD, tài chính năm 2018

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và thống nhất nội dung, số liệu báo cáo của Công ty như sau:

1. Về kết quả hoạt động SXKD năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	KH QĐ 2288	KHĐC QĐ 2259	Thực hiện năm 2018	So sánh % với		
							Cùng kỳ	KH 2288	KHĐC 2259
A	B	C	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
1	Đất đá bóc xúc	m3	25.663.828	28.000.000	30.675.000	30.777.000	119,92	109,92	100,33
2	Than sản xuất	tấn	3.109.389	3.100.000	3.300.000	3.304.806	106,28	106,61	100,15
3	Than T.thụ	tấn	3.024.056	3.035.000	3.240.000	3.257.074	107,70	107,31	100,16
4	Doanh thu tổng số	trđ	3.999.258	4.011.999	4.573.276	4.702.159	117,58	117,2	102,82
5	Lợi nhuận TT	trđ	44.923	31.027	31.027	90.122	200,6	290,5	290,5
6	Lợi nhuận ST	trđ	35.761			70.565	197,3		
7	Tiền lương BQ	đ/n/t	7.868.000	7.641.000	8.751.000	9.733.000	123,7	127,4	111,2
8	Lãi cơ bản trên CP	đồng	1.332			2.628			

Năm 2018, Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt trong công tác quản lý, quản trị chi phí và trong chỉ đạo điều hành sản xuất, Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu sản lượng theo kế hoạch điều chỉnh TKV giao. Kết thúc năm 2018 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty đều đạt và vượt KH giao.

- Đất đá bóc xúc đạt 110%KH, đạt 100,3 %KHĐC; Than sản xuất đạt 107% KH, đạt 100,2% KHĐC, trong đó than nguyên khai sản xuất đạt 102% KH, đạt 100,2%KHĐC; than sạch từ SPNT đạt 150% KH, 100%KHĐC;

- Than tiêu thụ đạt 107,3% KH, đạt 100,2% KHĐC;

- Doanh thu tổng số là đạt 117,2% KH, đạt 102,8% KHĐC, trong đó doanh thu than đạt 113,5 %KH, đạt 102,2 KHĐC;

- Chất lượng than: Độ tro trung bình than NK khai thác (AK%) thực hiện 33,69 %/ KH 34,77 %;

- Tồn kho than thành phẩm 77.402 tấn tăng 7.079 tấn so với đầu năm. Trong đó, tồn các loại than: Cám 2 là 942 tấn; Cám 3C.1 là 19.689 tấn; Cám 6a1 là 34.412 tấn; Cám 6b1 là 7.972 tấn; Cám 7a là 10.120 tấn; Cám 7b là 4.019 tấn; Cục 4a.2 là 248 tấn;
- Kết quả SXKD: Lợi nhuận SXKD đạt 90.122 tr.đồng/KH 31.027 triệu đồng, bằng 290,5 % KH, trong đó sản xuất than 80.454 triệu đồng, bằng 259,3%KH; Tiết kiệm chi phí theo quy chế khoán TKV là 34.667 triệu đồng;
- Lao động BQ: 2.538 người/KH 2.722 người bằng 93,24 % KH;
- Tiền lương BQ 9.733.000 đ/ng/thg/KHĐC 8.751.000 đ/ng/thg, bằng 111,2%;
- Trong năm 2018 Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

2. Về báo cáo tài chính năm 2018

Công ty đang thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước, chế độ kế toán doanh nghiệp Quyết định số 2917/QĐ- HĐQT của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Tổ chức bộ máy kế toán đảm bảo phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty; sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính để ghi sổ kế toán, lập và luân chuyển chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp; bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ và đúng mẫu biểu quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2018 được lập đầy đủ mẫu biểu quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan. Một số chỉ tiêu tài chính được phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2018 như sau :

1. Bảng cân đối kế toán

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
A	Tài sản ngắn hạn	100	939.945.893.980	584.312.036.626	355.633.857.354	60,9
1	Tiền và các khoản TĐ tiền	110	368.101.547 6.539.700.000	195.008.035	173.093.512	88,8
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.425.430.000	(5.885.730.000)	-47,4
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	495.951.369.864	17.198.173.781	478.753.196.083	278,3
4	Hàng tồn kho	140	321.407.120.451	270.230.730.710	51.176.389.741	18,9
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	115.679.602.118	284.262.694.100	(168.583.091.982)	-59,3
B	Tài sản dài hạn	200	1.353.335.687.749	1.299.353.038.539	53.982.649.210	4,2
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	74.733.214.095	67.095.002.079	7.638.212.016	11,4
2	Tài sản cố định	220	787.779.692.236	918.856.016.121	(131.076.323.885)	-14,3
	Tài sản cố định hữu hình	221	787.722.612.718	918.700.668.795	(130.978.056.077)	-14,3
	Tài sản cố định thuê tài chính	224			0	
	Tài sản cố định vô hình	227	57.079.518	155.347.326	(98.267.808)	-63,3

3	Bất động sản đầu tư	230			0	
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	83.615.999.705	105.254.673.924	(21.638.674.219)	-20,6
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0		
6	Tài sản dài hạn khác	260	407.206.781.713	208.147.346.415	199.059.435.298	95,6
	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	2.293.281.581.729	1.883.665.075.165		
C	Nợ phải trả	300	1.954.067.989.347	1.575.010.113.286	379.057.876.061	24,1
1	Nợ ngắn hạn	310	1.521.886.716.333	1.090.303.129.315	431.583.587.018	39,6
2	Nợ dài hạn	330	432.181.273.014	484.706.983.971	(52.525.710.957)	-10,8
D	Vốn chủ sở hữu	400	339.213.592.382	308.654.961.879	30.558.630.503	9,9
1	Vốn chủ sở hữu	410	339.213.592.382	305.786.854.919	33.426.737.463	10,9
	Vốn góp của chủ sở hữu	411	268.467.730.000	268.467.730.000	0	
	Vốn khác của chủ sở hữu	414	0		0	
	Quỹ đầu tư phát triển	418	347.757.112	347.757.112	0	
	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	419			0	
	Quỹ khác thuộc vốn CSH	420			0	
	LNST chưa phân phối	421	70.398.105.270	36.971.367.807	33.426.737.463	90,4
	- LNST chưa phân phối kỳ trước	421a	0	1.210.163.977	(1.210.163.977)	-100,0
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	70.398.105.270	35.761.203.830	34.636.901.440	96,9
	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			0	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	2.868.106.960	(2.868.106.960)	-100,0
	Nguồn kinh phí	431			0	
	Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432	0	2.868.106.960	(2.868.106.960)	
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	2.293.281.581.729	1.883.665.075.165		

2. Chỉ tiêu tài chính

TT	CHỈ TIÊU	Năm trước trước	Năm nay	Tăng, giảm	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=2-1	4=3/1
1	Cơ cấu tài sản				
	- Tài sản dài hạn/Tổng TS(%)	68,98	59,01	-9,97	-14,4
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng TS(%)	31,02	40,99	9,97	32,13
2	Cơ cấu vốn				
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn(%)	83,61	85,21	1,6	1,91
	- Vốn CSH/Tổng nguồn vốn(%)	16,39	15,05	-1,6	-9,75
3	- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,29	0,41	0,12	40,45
4	- Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0,54	0,62	0,08	14,61
5	Nợ phải trả/Vốn CSH(lần)	5,10	5,68	0,58	11,33
6	Tỷ suất sinh lời của TS (ROA)%	1,96	3,07	1,11	56,62
7	Tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (ROE) %	11,98	26,28	14,3	119,4

Qua số liệu báo cáo tài chính năm 2018 cho thấy: Khả năng thanh toán nhanh là 0,41 lần tăng 0,12 lần so với năm 2017; Khả năng thanh toán hiện thời là 0,62 lần/ KH của TKV là 0,53 lần và tăng so với năm 2017 là 0,08 lần; Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH là 5,68 lần/ KH của TKV là 5,94 lần; Tỷ suất LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE) 26,28 %/ KH 11,56 %; Tỷ suất LNST trên tổng tài sản (ROA) là 3,07 %, tăng 1,11 % so với năm 2017; Nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động đầu tư.

Tình hình huy động vốn và sử dụng HĐV: Công ty ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản vay được sử dụng đúng cam kết, đúng mục đích, lãi suất bình quân ngắn hạn là 5,78%, dài hạn là 9,48 %. Hồ sơ vay vốn thực hiện theo quy định của Ngân hàng và Nhà nước.

Bảo toàn vốn: Thực hiện mua bảo hiểm tài sản; quản lý sử dụng TSCĐ, đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường công tác quản lý nợ, không phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi; sản xuất kinh doanh có lãi, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và cổ đông

- Với cổ đông: Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác của Công ty.

- Với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý: Ban kiểm soát duy trì tốt mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ, đảm bảo lợi ích chung của Công ty trên nguyên tắc phải tuân thủ các quy định của pháp luật, của TKV, của Công ty. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định và các tài liệu liên quan đến công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu: BKS, VP



Số: 953/BC- TCS- BKS

Cầm phá, ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thống nhất việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính trong năm 2019 theo các căn cứ như sau:

1. Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.
2. Đảm bảo hoàn thành và công bố báo cáo Tài chính đã được kiểm toán đúng thời hạn quy định và chất lượng, đảm bảo Công ty tuân thủ đúng các quy định của Bộ Tài chính về công bố các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán, thông qua việc kiểm toán tại đơn vị sẽ góp phần trong việc nâng cao khả năng quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Mức phí kiểm toán ổn định đảm bảo ở mức độ hợp lý, phạm vi kiểm toán được nâng cao theo yêu cầu quản trị của Công ty.

Với các căn cứ đánh giá, lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

+ Công ty TNHH PKF Việt Nam Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313440640; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số 145/KDKT ngày 10/11/2017 và được UBCKNN- Bộ Tài chính ra Quyết định số: 1035/QĐ- UBCKNN ngày 20/11/2018 về việc chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2018.

+ Trụ sở chính: Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 04 6664 4488 - Fax: 04 6664 2233.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét thông qua lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, giao cho Giám đốc Công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Trong trường hợp không thống nhất được với Công ty kiểm toán trên về mức phí kiểm toán, đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các Công ty kiểm toán còn lại trong danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu: BKS, VP

